

Bản án số 735/2023/HS-PT

Ngày 22/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang - Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 696/TLPT-HS ngày 06 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Tiến H phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 214/2023/HS-ST ngày 25/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo bị kháng nghị:**

Nguyễn Tiến H, sinh năm 1989; Giới tính: Nam. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Số nhà 128 phố Ngô Q, khối B, phường Đông K, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tham gia Đảng, đoàn thể: Không; Con ông: Nguyễn Văn B - sinh năm 1956 và con bà: Hoàng Thị Ch - sinh năm 1951; Vợ: Chu Thị Th - sinh năm 1992; Con: Có 03 con; lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 754 ngày 12.12.2022 do PC11A HN lập. Nhân thân: Ngày 31/3/2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 năm tù về tội Cướp tài sản.

Bị can bị bắt ngày 05/12/2022 (theo Biên bản bắt người đang bị truy nã ngày 5/12/2022); hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an Thành phố Hà Nội.

*** Bị hại:**

1. Chị Vi Thanh D, sinh năm 1985;
2. Anh Xiang Jing Ch, sinh năm 1978; Quốc tịch Trung Quốc (chồng chị D).

3. Cháu Vi Thiên H1, sinh ngày 09/6/2000;
Cùng cư trú: Thôn Vinh 2, xã Võ L, huyện Văn B, tỉnh Lào Cai (trú tại: P2411 Chung cư Fivestar Garden, số 02 đường Kim Giang, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội).

Cháu Vi Thiên H do chị Vi Thanh D – Đại diện hợp pháp.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cháu Vi Thiên Hào:* Bà Nguyễn Thị V – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hà Nội.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đinh Văn L1, sinh năm 1990;
2. Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1992.

Cùng trú tại: số 218 đê Trần Khát Ch1, phường Thanh L2, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến H do Tòa án chỉ định:* Luật sư Lê Thị Hải Y- Công ty Luật TNHH Lê Y thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Vi Thanh D là người hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất khẩu trang. Khoảng tháng 5/2020, do thiếu tiền để nhập 03 dây chuyền máy sản xuất khẩu trang nên chị D đã rủ chị Trần Thị Vân H2 (sinh năm 1971; trú tại số nhà 22, phố Thủy Hoa, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai) góp vốn. Chị H2 không có đủ tiền nên đã rủ thêm Trần Đình H3 (sinh năm 1966; trú tại tổ 23, đường Nhạc Sơn, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai) góp vốn cùng. H3 đồng ý và đã góp 1.000.000.000 đồng với chị D. Cả ba thỏa thuận sau khi chị D nhận tiền sẽ nhập máy về, H3 và H2 sẽ được sử dụng 02 máy trong 02 tháng để sản xuất khẩu trang. Số tiền lợi nhuận từ việc sản xuất thì H3 và H2 được hưởng thay cho số tiền đã góp vốn. Đối với số tiền góp vốn của H3 thì H3 và chị D không lập hợp đồng góp vốn mà H3 yêu cầu chị D viết 01 giấy vay tiền với nội dung chị D vay của H3 số tiền 1.000.000.000 đồng để kinh doanh. Do có trục trặc với bên cung cấp máy nên không nhập được máy về Việt Nam, chị D đã thương lượng và thống nhất với H3 và H2 là giao cho H3 và H2 01 dây chuyền máy sản xuất khẩu trang khác đang có sẵn ở Việt Nam để hoạt động. Sau đó, chị D đã giao cho H3 và H2 01 dây chuyền máy sản xuất khẩu trang của D đặt tại thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. H3 và H2 đã mang dây chuyền trên về xưởng đặt tại Công ty Biển Đông ở B68, xã Hoàn Sơn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (dây chuyền hoạt động được khoảng 20 ngày). Đến tháng 7/2020, H3 muốn rút vốn, không tiếp tục tham gia việc sản xuất khẩu trang nên đã yêu cầu chị D trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng và H3 trả lại máy. Thời gian

này, chị D không có khả năng chi trả nên đã xin khất nợ đến ngày 07/8/2020. Hết thời hạn trên, chị D vẫn chưa trả được tiền nên H3 yêu cầu chị D phải thu xếp trả nợ ngay và dọa sẽ tìm đến nhà. Sau đó, H3 nhiều lần gọi điện thoại cho chị D nhưng chị D không nghe máy. H3 hỏi H2 địa chỉ của chị D và được H2 cung cấp chị D đang ở phòng 2411, chung cư Fivestar Garden ở số 02, đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 29/11/2020, H3 bảo Trần Kim Ch2 (sinh năm 1985; trú tại phòng 2302, CT8B, khu đô thị Đại Thanh, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội; là con gái của H3) cùng Trần Minh T (sinh năm 1980; là chồng của Ch2) đến tìm chị D tại chung cư Fivestar Garden. Tại đây, T và Ch2 gặp được chị D tại siêu thị tầng 01 của chung cư Fivestar và yêu cầu chị D đưa lên phòng để giải quyết việc vay nợ. Khi lên đến căn hộ do chị D đang thuê tại phòng 2411, T và Ch2 gặp anh Xiang Jing Ch (sinh năm 1978; Quốc tịch Trung Quốc, là chồng chị D) nhưng anh Xiang Jing Ch có việc nên rời đi luôn. Lúc này, Ch2 gọi điện thoại báo lại cho H3 biết đã lên nhà chị D. H3 gọi điện thoại cho người quen là Hoàng Xuân Q1 (sinh năm 1985; trú tại khối 8, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội) để nhờ Q1 cho người đến gây sức ép buộc D phải trả số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau đó, H3 gửi số điện thoại của Q1 cho T để T liên hệ với Q1, gửi định vị qua Zalo để Q1 đến. Q1 gọi thêm bạn là Nguyễn Tiến H (sinh năm 1989; trú tại số nhà 128, phố Ngô Quyền, khối 8, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn), Chu Minh T1 (sinh năm 1983; trú tại số nhà 09, ngách 05, ngõ 85, phố Nguyễn Lương Bằng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội), Nguyễn Hữu T2 (sinh năm 1998; trú tại khu 3, xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ; tên khác là T2 “lớn”) và Nguyễn Đình T3 (sinh năm 1994; trú tại thôn Xuân Dương, xã Kim Lũ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội; tên khác là T3 “bé”) cùng đi 01 trên xe ô tô hiệu Fortuner, biển kiểm soát 19A-298.77 do H điều khiển đến phòng trọ của chị D. Khi đến nơi, T xuống đón Q1, Hữu T2, Đình T3 và T1 lên căn hộ nhà chị D, còn H chờ ở dưới xe. Khi vào nhà chị D, Q1 cùng T1 to tiếng, yêu cầu chị D phải trả tiền cho H3. T1 yêu cầu chị D đưa điện thoại và đọc mật khẩu. Sau đó, T1 đưa điện thoại của chị D cho T để xem tài khoản ngân hàng của chị D lưu trên máy điện thoại còn tiền không thì thấy trong tin nhắn ngân hàng báo tài khoản chị D còn 16.000.000 đồng. Chị D có trình bày hiện tại không có khả năng trả nợ, hết tiền nên không thuê nổi nhà ở nữa phải về quê tại tỉnh Lào Cai. Thấy vậy, Q1 nói sẽ chở D về để biết nhà cửa, sau này biết chỗ đến tìm D để thu nợ. Sau khi chị D đã thu xếp quần áo và bế theo con trai là cháu Vi Thiên Hòa (sinh ngày 09/6/2020), Q1 chỉ đạo Hữu T2 và Đình T3 xách túi quần áo của chị D xuống xe; Q1 cùng T1, T và Ch2 đưa mẹ con chị D lên xe ô tô, để H điều khiển xe ô tô đi trước. Còn Hữu T2, Đình T3 và T1 bắt xe taxi đi theo sau. Tuy nhiên khi lên xe, Q1 cùng Ch2, T, H và T1 không chở mẹ con chị D về quê mà chở về nơi ở của Q1 tại khối 14, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Do nhóm của H3 và Q1 biết chị D không còn tiền và tài sản nên Q1, T và Ch2 yêu cầu chị D phải liên hệ người thân tìm cách thu xếp tiền trả cho H3. Chị D đã gọi điện thoại cho nhiều người thân, trong đó có chồng là anh Xiang Jing Ch để nhờ lo tiền trả nợ.

Thấy anh Xiang Jing Ch là người Trung Quốc nên Q1 gọi điện thoại cho bạn gái là Nguyễn Thị Tuyết M (sinh năm 1983; trú tại tổ 14B, phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ), bảo đến làm phiên dịch. Khoảng 15 giờ cùng ngày, chị D vừa bế con, vừa nói chuyện qua điện thoại với anh Xiang, do lo sợ các đối tượng xâm hại sức khỏe chồng mình nên chị D đã dặn anh Xiang không đến. M phiên dịch lại cho Q1 nội D trên. Nghe xong, Q1 to tiếng, bảo các đối tượng khác bế con của chị D ra nên Ch2 đã đến bế cháu Hòa từ tay chị D ra ngoài. Lúc này, Q1 túm tóc chị D, tháo kính mắt chị D đang đeo ra rồi lôi chị D từ trong nhà ra ao nước trước cửa; cầm tóc chị D dìm ngập đầu xuống ao 02 lần để cảnh cáo, yêu cầu chị D phải gọi điện thoại cho người thân lo tiền trả, rồi kéo D lên bờ, bảo chị D đi tắm rửa, thay quần áo. Khoảng 18 giờ cùng ngày, Ch2 bảo Q1 cho chị D viết giấy vay nợ để chuyển khoản nợ 1.000.000.000 đồng từ H3 sang cho Q1, mục đích để Q1 có căn cứ đòi tiền người nhà chị D. Sau đó, Q1 chỉ đạo Hữu T2 và H hướng dẫn chị D viết 01 Giấy vay tiền, 01 Hợp đồng thuê xe, 01 giấy biên nhận tiền (đều ghi ngày 09/5/2020) cùng 01 Giấy tự nguyện ở lại nhà Q1. Giấy vay tiền có nội D chị D vay Q1 số tiền 1.000.000.000 đồng trong thời gian 02 tháng kể từ ngày 09/5/2020 đến ngày 09/7/2020.

Cùng thời gian trên, anh Xiang Jing Ch đã đến gặp anh Đinh Văn L1 (sinh năm 1990; trú tại số nhà 218, đê Trần Khát Ch1, phường Thanh L2, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; là anh họ của chị D) để thu xếp tiền trả các đối tượng. Đến 21 giờ cùng ngày, anh Xiang Jing Ch và anh Đinh Văn L1 đi đến gần nhà Q1 ở huyện Sóc Sơn. Khi gần đến nơi, anh Xiang Jing Ch và anh L1 được Q1 và M ra đón vào nhà. Q1 phân công cho Hữu T2, T1 và H đứng ở ngoài sân cảnh giới. Khi gặp được chị D, anh L1 nói với Q1 là không mang theo tiền mặt và bảo Q1 cho người đến gặp chị Ngô Thị Ng (sinh năm 1992; trú tại số nhà 218, đê Trần Khát Ch1, phường Thanh L2, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; là vợ anh L1) để lấy tiền. Q1 đồng ý rồi gọi điện thoại cho bạn là Bùi Mạnh H5 (sinh năm 1987; trú tại số nhà 104, phố Yên Phụ, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Hà Nội) nhờ đi lấy tiền. H5 bận việc nên nhờ bạn là Nguyễn Ngọc Quân (sinh năm 1985; trú tại số nhà 47, phố Lê Quý Đôn, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội) đi lấy tiền giúp. Khoảng 20 phút sau, Quân sang nhà chị Ng nhận 28.000.000 đồng và thông báo cho H5 đã nhận được tiền. Q1 lấy số tài khoản 101005638948 mở tại Ngân hàng VietinBank của Nguyễn Tiến H gửi cho H5 nhờ chuyển khoản 28.000.000 đồng vào tài khoản trên. H5 đã nhờ Quân chuyển khoản số tiền này vào tài khoản của Nguyễn Tiến H theo yêu cầu và gửi ảnh chụp thông báo giao dịch cho Q1. Thấy đã nhận được tiền, Q1 cho chị D viết thêm vào giấy vay nợ về việc đã trả 28.000.000 đồng. Lúc này, anh L1 và anh Xiang Jing Ch xin cho mẹ con D về nhưng nhóm của Q1, T, Ch2 không đồng ý và ra điều kiện sẽ thuê cho mẹ con D một căn nhà để ở với giá 3.000.000 đồng/01 tháng và thuê một người giám sát với giá 5.000.000 đồng/01 tháng, chị D sẽ phải ở đó và chi trả số tiền trên cho đến khi người nhà trả đủ số tiền 1.000.000.000 đồng thì mới được về. Anh L1 và chồng chị D không đồng ý. Q1 tiếp tục yêu cầu anh L1

và anh Xiang Jing Ch trả nốt số tiền còn lại thì anh Xiang Jing Ch hẹn đến ngày 02/11/2020 sẽ trả thêm 100.000.000 đồng, sau đó cả hai đi về.

Đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 29/11/2021, Q1 cùng M, T và Ch2 đi xe ô tô chở mẹ con chị D về nhà Ch2 tại phòng 2302, chung cư Đại Thanh, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Đến gần cổng chung cư Đại Thanh, T và Ch2 xuống xe đưa mẹ con chị D lên nhà để ngủ nghỉ, còn Q1 và M quay về huyện Sóc Sơn. Khoảng 08 giờ ngày 30/11/2020, H đi rút tiền và đưa cho Q1 28.000.000 đồng do chị Ng chuyển. Đầu giờ chiều cùng ngày, H3 đi ô tô hiệu Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-103.52 đón Q1 cùng M đến gặp chị D tại nhà Ch2. Đến khoảng 21 giờ 30 ngày 30/11/2020, H3 cùng Q1 và M đến nhà Ch2 nói chuyện và yêu cầu chị D giục anh Xiang Jing Ch lo tiền chuộc thì mới thả về, sau đó cả ba lại rời đi. Chị D và con tiếp tục ở lại nhà Ch2. Sau khi không lo được tiền chuộc chị D, anh Xiang Jing Ch đã đến Công an phường Kim Giang trình báo.

Khoảng 13 giờ ngày 02/12/2020, Ch2 và T yêu cầu chị D gọi điện thoại hỏi anh Xiang Jing Ch đã lo được bao nhiêu tiền. Anh Xiang Jing Ch nói đã chuẩn bị được 60.000.000 đồng, sẽ đến nhà Q1 ở huyện Sóc Sơn để đưa tiền, nhưng yêu cầu phải gặp vợ con xong mới giao tiền. H3 đã lấy ô tô hiệu Fortuner màu đen biển kiểm soát 30E-103.52 để chở Ch2, T và mẹ con chị D về nhà Q1. Khi tất cả đi đến ngã tư Nguyễn Trãi - Nguyễn Xiển, quận Thanh Xuân, Hà Nội thì H3, Ch2 và T bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng vụ án

Quá trình bắt giữ Trần Đình H3, Hoàng Xuân Q1, Trần Kim Ch2, Trần Minh T cùng các đối tượng, Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng và đồ vật, tài sản liên quan gồm:

- Thu giữ trên người Hoàng Xuân Q1: 01 Giấy vay tiền ngày 09/5/2020; Giấy tự nguyện ngày 29/11/2020; Hợp đồng cho thuê xe ngày 09/5/2020 (gồm 02 tờ); Giấy biên nhận mượn tiền ngày 09/5/2020; 02 gậy tre kích thước đường kính khoảng 03cm, mỗi gậy dài khoảng 01m; 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen.

- Khám xét nhà Hoàng Xuân Q1 thu giữ: 01 vật thể hình trụ tròn bằng kim loại màu vàng, nâu đường kính khoảng 1,4cm, chiều dài khoảng 07cm nghi là đạn tự chế; 01 vật thể hình trụ tròn bằng kim loại, thân và đầu được bọc nhựa màu xanh, đầu còn lại bằng kim loại màu vàng - nâu, đường kính khoảng 1,4cm, chiều dài khoảng 06cm nghi là đạn tự chế.

- Thu giữ của Trần Đình H3: 01 xe ô tô hiệu Toyota Fortuner màu đen, biển kiểm soát 30E-103.52, số máy 2TR6733392, số khung RL4YX59G499000637; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 màu trắng đã qua sử dụng.

- Thu giữ của Trần Kim Ch2: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Gold Plus đã qua sử dụng.

- Thu giữ của Trần Minh T: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F7 màu đen đã qua sử dụng.

- Thu giữ của Chu Minh T1: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu vàng, hồng đã qua sử dụng.

- Thu giữ của Nguyễn Thị Tuyết M: 01 xe ô tô hiệu Toyota Fortuner, biển kiểm soát 19A-298.77, số máy A7292032TR, số khung MHFJX3GS8L0585606 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu vàng đã qua sử dụng.

Cơ quan điều tra đã quyết định trưng cầu giám định chữ viết trên giấy vay tiền và giấy thuê xe cùng 02 viên đạn thu giữ trên người Hoàng Xuân Q1, kết quả như sau:

Tại bản kết luận giám định số 8920/C09-P5 ngày 29/01/2021 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an kết luận: “ ... Chữ ký, chữ viết trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký, chữ viết của Vi Thanh D trên mẫu so sánh ký hiệu M (bản tường trình của Vi Thanh D ngày 02/12/2020) do cùng một người ký, viết tra.”

Tại bản kết luận giám định số 7011/C09-P3 ngày 08/10/2021 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an kết luận: “... Mẫu vật dài 7cm gửi giám định là đạn ghém tự chế cỡ 12, mẫu vật dài 06cm là đạn ghém cỡ 12, 02 viên đạn trên thuộc đạn săn không phải vũ khí quân dụng.”

Đối với chiếc xe ô tô hiệu Toyota Fortuner, biển kiểm soát 30E-103.52. Qua xác minh, Cơ quan điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản của anh Trần Xuân H5 (sinh năm 1983; trú tại tổ 19A, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai; là cháu của bị can H3). Anh H5 cho H3 mượn xe nhưng không biết H3 sử dụng xe làm phương tiện thực hiện tội phạm. Do đó ngày 29/10/2021, Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe trên cho anh Trần Xuân H4.

Quá trình điều tra, bị can Hoàng Xuân Q1 khai 02 viên đạn săn Cơ quan điều tra thu giữ là do bị can nhặt được ở trên đường gần nhà. Ngày 22/11/2021, Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Hà Nội đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Q1 về hành vi không giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ theo quy định tại điểm g, khoản 3, Điều 10 Nghị định 167/2013/NĐCP của Chính phủ, mức phạt tiền là 3.000.000 đồng.

Đối với Bùi Mạnh H5 và Nguyễn Ngọc Quân, là người do Q1 nhờ chuyển số tiền 28.000.000 đồng, kết quả điều tra xác định H5 và Quân không biết việc Q1 và đồng bọn phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Quá trình điều tra vụ án, Nguyễn Hữu T2 cùng Nguyễn Đình T3, Nguyễn Thị Tuyết M và Nguyễn Tiến H bị Cơ quan điều tra khởi tố bị can về tội Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 169 Bộ luật Hình sự. Do các bị can Hữu T2, Đình T3, H và M bỏ trốn khỏi nơi cư trú nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã, quyết định tách vụ án hình sự, quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án và tạm đình chỉ điều tra các bị can trên. Ngày 12/01/2023 Tòa án nhân dân

cấp cao tại Hà Nội đã đưa vụ án ra xét xử, tuyên phạt bị cáo Hoàng Xuân Q1 12 năm tù, bị cáo Chu Minh T1 12 năm tù, bị cáo Trần Minh Tiến 8 năm tù và bị cáo Trần Kim Ch2 6 năm tù về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 169 Bộ Luật hình sự

Ngày 06/2/2022, Trần Đình H3 đã chết nên cơ quan điều tra đã đình chỉ điều tra đối với H3.

Ngày 05/12/2022, Cục Cảnh sát hình sự Bộ Công an đã bắt giữ bị can Nguyễn Tiến H theo Quyết định truy nã của Công an thành phố Hà Nội.

Bản cáo trạng số: 91/CT-VKSHN-P2 ngày 21/03/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố bị can Nguyễn Tiến H về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 169 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 214/2023/HS-ST ngày 25/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

I./ Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tiến H phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”

II./ Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

- Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 169; điều 17; điều 38; điều 46; Điều 47, Điều 50; điểm b,s khoản 1 Điều 51; điều 54 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: **Nguyễn Tiến H** 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội kháng nghị với nội dung kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị sửa lại theo hướng tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tiến H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo không kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên án sơ thẩm và bị cáo xuất trình các tình tiết giảm nhẹ hộ nghèo, gia đình có công với cách mạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, vai trò, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, kết luận:

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trong hạn luật định, đúng trình tự quy định của pháp luật cần được chấp nhận để xét.

Về nội dung: Toà án sơ thẩm xử bị cáo với tội danh “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ đúng người đúng tội.

Về hình phạt: Thấy rằng Toà án sơ thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo nhưng thấy bị cáo có nhân thân xấu, bỏ trốn bắt theo lệnh truy nã. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo từ 12 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi quyết định tố tụng:

Các hành vi quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan cảnh sát Điều tra và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của các nhân chứng những người trực tiếp có mặt tại hiện trường có căn cứ kết luận:

Khoảng tháng 5/2020, Trần Đình H3 góp vốn 1.000.000.000 đồng cùng chị Vi Thanh D hoạt động sản xuất kinh doanh khẩu trang chống dịch. Do máy sản xuất khẩu trang không nhập khẩu về được nên chị D đã giao cho H3 01 máy sản xuất khẩu trang khác đang có sẵn ở Việt Nam để thực hiện theo thỏa thuận. Tháng 7/2020, H3 muốn rút vốn, không tiếp tục tham gia việc sản xuất khẩu trang nên đã yêu cầu D trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng, nhưng chị D chưa có tiền trả cho H3. Ngày 29/11/2020, H3 chỉ đạo Trần Kim Ch2, Trần Minh T, Hoàng Xuân Q1, Chu Minh T1, Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Tiến H, Nguyễn Đình T3 đến nhà chị D tại chung cư Fivestar Garden số 2 đường Kim Giang, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội để đòi số tiền 1.000.000.000 đồng. Tại nhà chị D thì Q1, T1 chửi bới đe dọa, yêu cầu chị D trả nợ số tiền 1.000.000.000. Do biết anh Xiang Jing Ch (là chồng chị D) sẽ có tiền để trả nên các đối tượng trên đã bắt chị D và cháu Vi Thiên Hòa (sinh ngày 29/11/2020, là con chị D) về nhà của Q1 tại xã Phú Lỗ, huyện Sóc Sơn. Tại đây, Q1 túm tóc và lôi chị D dìm đầu xuống ao để bắt chị D gọi điện cho gia đình mang tiền đến để trả nợ, chuộc hai mẹ con chị D và chỉ đạo Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Tiến H bắt chị D viết giấy nợ Q1 số tiền 1.000.000.000 đồng. Khoảng 21 giờ cùng ngày, anh Xiang Jing Ch và anh Đinh Văn L1 đến và nói với Q1 lo được là 28.000.000 đồng và thông qua chị Ngô Thị Ng trả số tiền trên. Q1 tiếp tục yêu cầu anh L1 và anh Xiang Jing Ch trả nốt số tiền còn lại thì anh Xiang Jing Ch hẹn đến ngày 02/11/2020 sẽ trả thêm 100.000.000

đồng. Sau đó, Q1 lấy xe ô tô chở M, Tiến, Ch2 đi xe ô tô chở mẹ con chị D về nhà Ch2 tại căn hộ số P2411 chung cư Đại Thanh, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Đến 13 giờ ngày 02/12/2020, khi biết anh Xiang Jing Ch đã chuẩn bị được 60.000.000 đồng nên H3 đã lấy ô tô hiệu Fortuner màu đen biển kiểm soát 30E-103.52 để chở Ch2, T và mẹ con chị D về nhà Q1. Khi tất cả đi đến ngã tư Nguyễn Trãi - Nguyễn Xiển, quận Thanh Xuân, Hà Nội thì bị Cơ quan Công an bị phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi bắt giữ mẹ con chị Vi Thanh D của các bị cáo nhằm mục đích buộc người thân của chị D giao số tiền 1.000.000.000 đồng, hành vi bắt giữ của các bị cáo là hành vi trái pháp luật, việc anh Xiang Jing Ch giao số tiền 28.000.000 đồng cho các bị cáo là do bị cưỡng ép, không tự nguyện.

Căn cứ lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Tiến H phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”; tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 169 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm quyền tự do thân thể được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội nên cần áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, vai trò của bị cáo trong vụ án.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS:

Bị cáo H3 cùng các đối tượng Trần Kim Ch2, Trần Minh T, Hoàng Xuân Q1, Chu Minh T1, Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Đình T3 đã đến nhà chị D đòi số tiền 1 tỷ đồng của Trần Đình H3 góp vốn cùng chị Vi Thanh D. Tại nhà chị D dưới sự chỉ đạo của Q1 Nguyễn Tiến H cùng Nguyễn Hữu T2 bắt chị D viết giấy nhận nợ số tiền 1 tỷ đồng. Sau khi thực hiện hành vi cùng các đối tượng khác Nguyễn Tiến H đã bỏ trốn và CQĐT phát lệnh truy nã. Ngày 5/12/2022 Nguyễn Tiến H bị Cục Cảnh sát hình sự - Bộ Công an bắt theo Quyết định truy nã. Nhân thân: Tại bản án phúc thẩm số 36/HSPT ngày 31/3/2008 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 năm tù về tội cướp tài sản; được đặc xá tha tù ngày 29/08/2010 (Giấy chứng nhận đặc xá số 158/GCNĐX ngày 29/08/2010 Trại giam Ngọc Lý – Tổng cục VIII) đã xóa án tích.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tham gia trong vụ án với vai trò thứ yếu, có mức độ theo sự chỉ đạo phân công của bị cáo Q1, bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho tất cả các bị cáo tham gia là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đồng thời áp dụng khoản 2 điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn mức khởi điểm của điều luật truy tố.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H mức án 9 năm tù là chưa phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo còn phạm tội với trẻ em nhưng do không có kháng cáo, kháng nghị nên tòa không xem xét. Ngoài ra, tại bản án sơ thẩm còn áp dụng cho bị cáo điểm b khoản 1 Điều 51 là không đúng nhưng không bị kháng cáo và kháng nghị và không làm bất lợi cho bị cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét. Do vậy cần chấp

nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, tăng một phần hình phạt đối với bị cáo để tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo H là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã được xem xét tại Bản án hình sự sơ thẩm số 251/2022/HS-ST ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội nên HĐXX không xét.

[5]. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Về quyết định khác: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 214/2023/HS-ST ngày 25/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tiến H phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”

Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

- Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 169; điều 17; điều 38; điều 46; Điều 47, Điều 50; điểm b,s khoản 1 Điều 51; điều 54 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: **Nguyễn Tiến H** 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2022.

3. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- TTG số 1 - CA thành phố Hà Nội;
- Bị cáo H (qua trại);
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tự Học